

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2026/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 về dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền*

quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

### **Điều 1. Sửa đổi Điều 3 như sau:**

“Điều 3. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Mức thu:

Đơn vị tính: đồng/dự án

| STT | Nội dung                                                                                                     | Mức thu    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | Dự án đầu tư nhóm I thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh                                       | 14.600.000 |
| 2   | Dự án đầu tư nhóm II thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh                                      | 12.000.000 |
| 3   | Dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định Luật đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh | 2.800.000  |

3. Quản lý, sử dụng: Số tiền phí thu nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí cho hoạt động thẩm định do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình”.

### **Điều 2. Sửa đổi Điều 7 như sau:**

“Điều 7. Phí thẩm định cấp, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

2. Mức thu

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mức thu    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |
| a   | Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định đối với:<br>(1) Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đồng thời không có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có thay đổi nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định; (2) Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. | 10.400.000 |
| b   | Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra đối với cơ sở, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định.                                                                                                                                               | 12.200.000 |
| c   | Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4.400.000  |
| d   | Cấp phép đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2.400.000  |
| 2   | Phí cấp điều chỉnh giấy phép môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1.500.000  |

3. Quản lý, sử dụng: số tiền phí thu nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí cho hoạt động thẩm định do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình”.

**Điều 3. Sửa đổi Điều 15 như sau:**

“Điều 15. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xả nước thải quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2. Miễn phí thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP.

3. Mức thu, quản lý sử dụng

| STT | Nội dung                                                                            | Mức thu                                                                        | Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu | Tỷ lệ (%) nộp ngân sách nhà nước |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|
| 1   | Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nguồn nước sạch từ tổ chức cung cấp nước sạch | 10% giá bán của 01 m <sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng | 6%                          | 94%                              |

4. Tổ chức thu phí: Tổ chức cung cấp nước sạch”.

**Điều 4. Bãi bỏ Điều 11****Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành PL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

**CHỦ TỊCH****Lê Quốc Chính**